TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DSPT
Ngày: 11/01/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán*: Bà Đỗ Thị Thắm

Ông Phan Minh Dũng

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định***: Bà Lê Thị Vân- Kiểm sát viên *tham gia phiên tòa*.

Ngày 10 và 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2021/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2021/QĐ-PT ngày 01tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:Ông Phạm Quang Kh; cư trú tại: Số 09 đường Trần Thị K, phường Ng, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Đặng Văn K; cư trú tại: số nhà 142 đường Háo Đ, xã Nhơn A, thị xã A, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Huy T; địa chỉ: Số 29 đường Lê Văn T, tổ 12, khu vực 2, phường Nhơn B, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2021) (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Xuân Th

2. Bà Phạm Thị Ch

Cùng cư trú tại: Số nhà 55/2 đường Ngô M, phường Nguyễn Văn C, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Chị Phạm Lê Thanh Nh

4. Chị Phạm Lê Hoàng V

Cùng cư trú tại: Số nhà 09 đường Trần Thị K, phường Ng, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của ông Lê Xuân Th, bà Phạm Thị Ch, chị Phạm Lê Thanh Nh và chị Phạm Lê Hoàng V: Ông Phạm Quang Kh (nguyên đơn trong vụ án) (theo các văn bản ủy quyền ngày 15/6/2021; ngày 21/6/2021)

5. Bà Ngô Thị B (B1); cư trú tại: Số nhà 162 đường Cần V, phường Nguyễn Văn C, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Ông Đặng Văn K - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Quang Kh trình bày:

Vợ ông là bà Lê Thị Phương D, khi còn sống có cho ông Đặng Văn K vay tiền, cụ thể như sau:

- Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019,số tiền 3.150.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 26 tháng 10 năm 2019 đến ngày 28 tháng 10 năm 2019. Ông K ghi phía sau tờ giấy vay là trả lãi đến ngày 04/11/2019.Tiền lãi do bà D nhận nên ông không biết cụ thể. Ông nghe bà D nói lại là ông K đã trả được 700.000.000 đồng tiền nợ gốc. Số nợ gốc còn lại trong lần vay này là 2.450.000.000 đồng.

- Giấy mượn tiền ngày 17/01/2020, số tiền là 600.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 21/01/2020. Ông K chưa trả gốc, lãi.

Tổng số tiền ông K còn nợ là 3.050.000.000đồng (nợ gốc)

Số tiền vợ ông cho ông K vay là tài sản chung của vợ chồng. Vợ ông đã chết ngày 08/4/2020. Hàng thừa kế thứ nhất của vợ gồm: ông (chồng), các con chung của ông và bà D là Phạm Lê Thanh Nh và Phạm Lê Hoàng V, cha mẹ bà D là ông Lê Xuân Th và bà Phan Thị Ch. Bà D không có con riêng, con nuôi.

Ông khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn K phải trả cho ông và các thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Phương D số nợ tiền nợ gốc là 3.050.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Đặng Văn K trìnhbày:

Ông xác nhận chữ ký và chữ viết ghi họ, tên trong Giấy mượn tiền 600.000.000 đồng đề ngày 17/01/2020 và Giấy mượn tiền 3.150.000.000 đồng đề ngày 26/10/2019 là do ông ký và viết.

Ông và bà Ngô Thị B có quan hệ quen biết nhau thông qua giao dịch cho vay, không phải là vợ chồng vì vợ ông là Võ Thị H. Trong Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019, ông ghi vợ là Ngô Thị B vì bà D nói trong mẫu của các giấy mượn tiền đều như thế nên bảo ông cứ ghi tên vợ là Ngô Thị B (bà B cùng làm ăn chung với ông).

Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019, ông ghi mượn bà Lê Thị Mỹ D là do nhầm lẫn thực chất là vay của bà Lê Thị Phương D. Sau đó ông đã viết lại Giấy vay khác có cùng nội dung nhưng thay tên "Lê Thị Mỹ D" thành "Lê Thị Phương D". Giấy này do ông Phạm Quang Kh chồng bà D giữ. Toàn bộ chữ viết phía sau Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 (6 hàng chữ) đều là do ông viết. Ông ký tên và ghi rõ họ tên trong các giấy mượn tiền với tư cách là người làm chứng việc bà B vay tiền của bà D và bà Ngô Thị B cùng ký tên. Các bên không thỏa thuận về thời hạn vay. Bà Ngô Thị B là người trực tiếp nhận tiền từ bà D và chịu trách nhiệm trả nợ cho bà D.

Về các Giấy mượn tiền ông trình bày chi tiết như sau: Khoảng tháng 9/2019, ông vay của bà D 3.000.000.000 đồng, có viết giấy nhưng giấy này bị thất lạc mất. Đến ngày 14/9/2019, ông trả 700.000.000 đồng (gốc), việc trả không ghi giấy tờ mà chỉ viết lại Giấy mượn tiền 2.300.000.000 đồng. Ngày 19/10/2019, ông đã trả cho bà D số tiền 2.300.000.000 đồng. Ngày 19/10/2019, ông và bà B viết giấy vay lại tổng số tiền 3.150.000.000 đồng. Đến ngày 26/10/2019, các bên viết lại Giấy mượn tiền bị nhầm tên "Lê Thị Mỹ D".

Ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi của ông Phạm Quang Kh vì Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 là giấy viết nhầm và được thay thế bằng giấy khác, bà B là người trực tiếp vay tiền còn ông ký với tư cách là người làm chứng và Giấy mượn tiền ghi ngày 17/01/2020 do ông viết và ký tên nhưng ông đã trả vào tài khoản của bà D, lâu quá phiếu chuyển bị mờ không thấy rõ ngày, tháng, năm, tên ngân hàng, số tiền chuyển và không nhớ tài khoản của bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị B trình bày:

Theo các Giấy mượn tiền mà Tòa án cho bà xem, bà xác định Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019, chữ ký mượn tiền là của ông K nhưng bà nhớ giấy này là bà D cấn trừ giấy nợ 2,3 tỷ đồng trước đó bà đã nhận. Thời điểm trên bà D chỉ đưa ông K 800.000.000đồng và 50.000.000 đồng là tiền lãi. Sau đó ông K có vài lần trả lãi cho bà D. Ông K không phát hiện gì về Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 bị nhầm chữ lót "Lê Thị Mỹ D". Trước ngày 26/10/2019 thời điểm bà vay 2,3 tỷ đồng do bà với ông K cùng làm ăn chung nên cấn trừ. Sau khi bà D chết, ông Kh khởi kiện bà 2,3 tỷ đồng tại Cơ quan điều tra. Bà nhớ thời gian sau khi viết giấy ông K có trả cho bà D 700.000.000 đồng.

Về giấy nợ ghi ngày 17/01/2020, số tiền vay là 600.000.000 đồng. Ông K là người ký giấy mượn tiền. Số tiền vay này bà không biết.

Nay ông Kh khởi kiện ông K, bà yêu cầu xem xét số tiền 2,3 tỷ đồng mà bà D đã cấn trừ qua ông K, số tiền này ông Kh đã khởi kiện bà. Giấy vay tiền 2,3 tỷ đồng bà nhớ trước giấy vay ghi ngày 26/10/2019 và chỉ có một lần duy nhất bà vay số tiền 2,3 tỷ đồng nhưng Tòa án đưa cho bà xem Giấy vay ghi ngày 05/11/2019 vay số tiền 2,3 tỷ đồng, bà công nhận chữ ký trong giấy này là của bà.

- Ông Lê Xuân Th, bà Phạm Thị Ch, chị Phạm Lê Thanh Nh và chị Phạm Lê Hoàng V ủy quyền cho ông Phạm Quang Kh đều thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quang Kh. Buộc ông Đặng Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Quang Kh, ông Lê Xuân Th, bà Phan Thị Ch, chị Phạm Lê Thanh Nh và chị Phạm Lê Hoàng V số tiền vay gốc là 3.050.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kh không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 11/11/2021, bị đơn ông Đặng Văn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đặng Văn K thừa nhận chữ viết và chữ ký trong Giấy mượn tiền đề ngày 26/10/2019 với số tiền 3.150.000.000 đồng và giấy mượn tiền đề ngày 17/01/2020 với số tiền 600.000.000 đồng là do ông viết và ký. Nhưng theo ông Khoa, Giấy mượn tiền đề ngày 26/10/2019 với số tiền 3.150.000.000 đồng là do ông ghi nhầm lẫn vì ông vay của bà Lê Thị Phương D, không phải vay của bà "Lê Thị Mỹ D" nên đã hủy giấy này để viết lại giấy khác vẫn ghi nội dung như cũ nhưng thay vào đó là vay của "bà Lê Thị Phương D". Ông K cho rằng giấy mượn tiền viết lại do ông Phạm Quang Kh (chồng bà D) giữ nhưng ông Kh không thừa nhận. Ông K không chứng minh được nên có căn cứ xác định rằng Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 với nội dung: "có mượn của anh, chị: Lê Thị Mỹ D" hay Lê Thị Phương D đều là mượn của một người là bà Lê Thị Phương D vợ ông Phạm Quang Kh.

Trong Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 ông K ghi: "vợ: Ngô Thị B" nhưng ông K và bà B (B1) đều công nhận ông bà không phải là vợ chồng mà chỉ có quan hệ làm ăn chung với nhau, vợ ông K là bà Võ Thị H. Mặc dù ghi tên bà B trong Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 và Giấy mượn tiền ngày 17/01/2020 nhưng chỉ có ông K ký vào giấy mượn, 06 dòng chữ tính lãi ở mặt sau của Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 cũng do ông K viết nên việc ông K cho rằng ông chỉ ký với tư cách người làm chứng còn bà B là người nhận tiền của bà D là không có cơ sở vì bà B không thừa nhận, ông K không chứng minh được do đó có căn cứ để xác định rằng ông K vay của bà D 3.150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 và 600.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/01/2020.

Đối với khoản vay 3.150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 26/10/2019 số tiền còn lại của khoản vay này là 2.450.000.000 đồng vì ông Kh công nhận ông K đã trả được 700.000.000 đồng (nợ gốc). Riêng khoản vay 600.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 17/01/2020, ông K chưa trả gốc và lãi. Tổng cộng 02 khoản, ông K còn nợ 3.050.000.000 đồng. Ông Kh và các thừa kế của bà Lê Thị Phương D chỉ yêu cầu ông Khoa trả 3.050.000.000 đồng (nợ gốc), không yêu cầu tính lãi do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông K phải trả cho nguyên đơn và các thừa kế của bà Lê Thị Phương D 3.050.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa bà Võ Thị H vợ ông K tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm rõ khoản nợ của ông K là nợ riêng của ông K hay nợ chung của vợ chồng. Nếu là nợ chung của vợ chồng thì bà H phải có trách nhiệm cùng với ông K trả nợ cho ông Kh và các thừa kế của bà D, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm ông Kh và các thừa kế của bà D không kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Kh có lời khai chỉ yêu cầu ông K trả nợ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông K phải trả nợ cho ông Kh và các thừa kế của bà D.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ông Đặng Văn K phải chịu 300.000 đồng.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn K; giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 463 Bộ luật Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn K; Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Buộc ông ĐặngVăn K có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Quang Kh, ông Lê Xuân Th, bà Phan Thị Ch, chị Phạm Lê Thanh Nh và chị Phạm Lê Hoàng V số tiền vay gốc là 3.050.000.000 đồng (Ba tỷ không trăm năm mươi triệu đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn K phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0004990 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh

Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Thắm Phan Minh Dũng Hồ Tuấn Anh

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh